

**IDICO-IDI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**QUÝ 4 NĂM 2012**

**Đơn vị kế toán** : Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO  
**Mã số thuế** : 0302095576  
**Giấy ĐKKD** : 4103008732 ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM  
**Địa chỉ** : Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh  
**Điện thoại** : 08 37503042                      **Fax:** 08 37502825

**Danh mục báo cáo:**

<b>STT</b>	<b>Tên báo cáo</b>	<b>Mẫu số</b>	<b>Trang</b>
1	Bảng cân đối kế toán	B 01a - DN	1-2
2	Báo cáo kết quả kinh doanh	B 02a - DN	3
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B 03a - DN	4
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	B 09a - DN	5-17
5	Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản		

**TP Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2013**

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>38.292.778.478</b>	<b>18.521.550.019</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.113.522.454</b>	<b>2.596.194.316</b>
1. Tiền	111	V.01	2.113.522.454	2.596.194.316
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>380.000.000</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		380.000.000	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.597.861.254</b>	<b>11.670.279.207</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		4.450.197.719	6.275.385.185
2. Trả trước cho người bán	132		17.436.176.361	4.101.249.677
5. Phải thu khác	135	V.03	1.052.869.064	1.635.026.235
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(341.381.890)	(341.381.890)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>1.212.803.845</b>	<b>160.446.903</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.212.803.845	160.446.903
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.988.590.925</b>	<b>4.094.629.593</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		450.560.593	622.056.047
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.945.598.336	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	59.491.683	59.491.683
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.532.940.313	3.413.081.863
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>647.553.466.647</b>	<b>488.052.656.004</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.930.773.120</b>	<b>17.930.773.120</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	17.930.773.120	17.930.773.120
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>596.934.030.373</b>	<b>434.802.967.398</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	365.105.705.300	419.433.116.944
- Nguyên giá	222		791.062.240.336	790.814.312.786
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(425.956.535.036)	(371.381.195.842)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	349.301.505	417.877.740
- Nguyên giá	228		915.724.800	877.924.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(566.423.295)	(460.047.060)
4. Chi phí xây dựng dở dang	230	V.11	231.479.023.568	14.951.972.714
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>23.482.780.000</b>	<b>23.482.780.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		23.482.780.000	23.482.780.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	0	
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.205.883.154</b>	<b>11.836.135.486</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	9.205.883.154	11.836.135.486
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>685.846.245.125</b>	<b>506.574.206.023</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

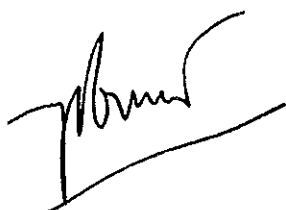
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>377.194.482.760</b>	<b>200.932.925.451</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.880.170.037</b>	<b>10.676.040.805</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	2.850.069.840	0
2. Phải trả người bán	312		11.764.523.872	3.962.706.466
3. Người mua trả tiền trước	313		2.400.840.000	-
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	797.637.678	1.348.846.947
5. Phải trả người lao động	315		881.388.394	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	14.555.956.749	5.364.487.392
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		629.753.504	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>343.314.312.723</b>	<b>190.256.884.646</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	5.135.094.162	1.012.788.162
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	338.179.218.561	189.200.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	44.096.484
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>308.651.762.365</b>	<b>305.641.280.572</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>308.651.762.365</b>	<b>305.641.280.572</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.379.800.881	8.309.902.864
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.820.235.552	2.540.252.894
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.959.725.932	45.299.124.814
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>685.846.245.125</b>	<b>506.574.206.023</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		V.24	-	-
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập



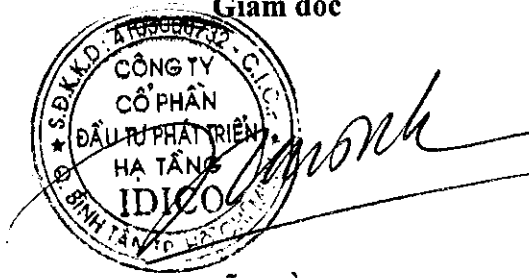
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TẶNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM

Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B 02a - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2012**

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	86.276.151.194	39.448.781.815	197.265.183.028	164.320.625.458
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV(10=01-02)	10		86.276.151.194	39.448.781.815	197.265.183.028	164.320.625.458
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	60.979.142.475	14.818.373.442	104.586.265.481	66.883.711.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20=10-11)	20		25.297.008.719	24.630.408.373	92.678.917.547	97.436.914.009
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	1.597.756.544	73.971.513	2.855.508.887	4.189.487.814
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5.075.314.202	8.966.693.717	24.180.242.368	24.633.617.907
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.075.314.202	8.966.693.717	24.180.242.368	36.401.559.007
8. Chi phí bán hàng	24		4.289.596.433	4.242.543.534	20.368.200.260	19.479.061.321
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.273.407.159	671.576.689	7.170.148.752	10.810.552.428
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD[30=20+(21-22)-(24+25)]	30		16.256.447.469	10.823.565.946	43.815.835.054	46.703.170.167
11. Thu nhập khác	31		100.102.500	82.907.728	252.600.368	120.337.973
12. Chi phí khác	32		4.074.600	-	10.804.600	3.331.183
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		96.027.900	82.907.728	241.795.768	117.006.790
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.352.475.369	10.906.473.674	44.057.630.822	46.820.176.957
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	712.647.118	423.869.392	2.097.904.891	1.220.523.788
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15.639.828.251	10.482.604.282	41.959.725.931	45.599.653.169
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	627	420	1.682	1.828

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập

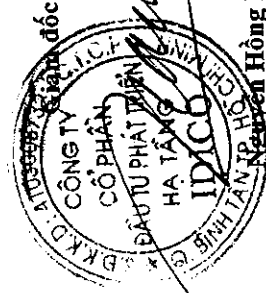
*Nguyễn Trường Vũ*

Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng

*Nguyễn Văn Thọ*

Nguyễn Văn Thọ



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

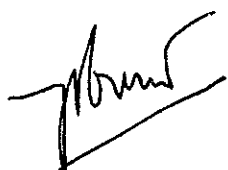
Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		174.839.918.987	185.895.714.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và DV	02		(62.833.619.597)	(33.195.158.790)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.207.082.503)	(21.454.119.322)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(24.180.242.368)	(35.388.770.845)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.809.127.165)	(796.654.396)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		51.194.918.891	6.702.045.269
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.458.140.534)	(23.108.687.698)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>91.546.625.711</b>	<b>78.654.368.795</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(220.109.740.861)	(1.218.797.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.530.000.000)	(33.910.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.150.000.000	41.910.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.855.508.887	3.303.593.814
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(217.634.231.974)</b>	<b>10.084.796.269</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		221.967.288.401	12.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(70.138.000.000)	(76.833.571.399)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.224.354.000)	(25.180.951.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>125.604.934.401</b>	<b>(90.014.522.399)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(482.671.862)</b>	<b>(1.275.357.335)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.596.194.316</b>	<b>3.871.551.651</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( 70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>2.113.522.454</b>	<b>2.596.194.316</b>

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập



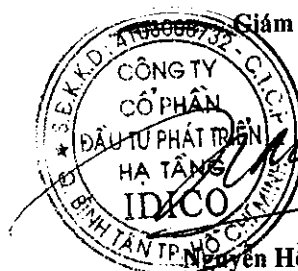
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Quý 4 năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

##### **1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (Số cũ: 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/09/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249.492.000.000 đồng

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cài tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Sương - An Lạc thuộc địa phận Tp. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1 - ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2 - ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

##### **Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/06/2012**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nghiệp	35%
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	12,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dầu khí IDICO	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	10%
Các cổ đông khác	32,5%

##### **2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302095576 ngày 28/09/2011 (thay đổi lần 5) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng từ kể từ tháng 1 năm 2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý 4 năm 2012**

*(Tiếp theo)*

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:**

#### **1 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012

#### **2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

#### **1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

#### **2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

#### **3 Hình thức kế toán áp dụng:**

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

#### **1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

#### **2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi:**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý 4 năm 2012**

*(Tiếp theo)*

### **3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh

### **4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<i>Số năm khấu hao</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo văn bản số 390/BTC-TCĐN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

##### ***Phần mềm quản lý thu phí***

Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

#### **Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang:**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý 4 năm 2012**

*(Tiếp theo)*

**6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác..

**7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc từ 1% đến 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài Chính

**8 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:**

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé “Cước đường bộ” lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu xây lắp và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về khối lượng hoàn thành và tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý 4 năm 2012

*(Tiếp theo)*

### 12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

### 13 Các bên liên quan:

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
<b>1 Tiền</b>		
Tiền mặt	1.934.418.408	2.373.451.887
Tiền gửi ngân hàng	179.104.046	222.742.429
<b>Cộng</b>	<b>2.113.522.454</b>	<b>2.596.194.316</b>
<b>2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)	380.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>380.000.000</b>	<b>-</b>
<b>3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
IDICO-CONAC	-	539.864.092
IDICO	180.497.920	180.497.920
Các đối tượng khác	872.371.144	914.664.223
<b>Cộng</b>	<b>1.052.869.064</b>	<b>1.635.026.235</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2012***(Tiếp theo)*

	31/12/2012	01/01/2012
<b>4 Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	332.297.158	152.801.718
Công cụ, dụng cụ	40.463.691	6.895.185
Chi phí sản xuất dở dang	840.042.996	750.000
<b>Cộng</b>	<b>1.212.803.845</b>	<b>160.446.903</b>
<b>(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:</b>	<b>840.042.996</b>	<b>750.000</b>
Trường PTTH Vĩnh Viễn tỉnh Hậu Giang - HM 16 phòng học	-	750.000
Trường PTTH Vĩnh Viễn tỉnh Hậu Giang-HM Khối hiệu bộ, P.thí nghiệm..	840.042.996	-
<b>5 Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Thuế xuất nhập khẩu được miễn	59.491.683	59.491.683
Thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>59.491.683</b>	<b>59.491.683</b>

**8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2012	779.352.066.923	6.873.816.181	4.171.637.964	416.791.718	790.814.312.786
- Mua trong kỳ	15.000.000	97.796.636	-	135.130.914	247.927.550
-ĐT XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2012</b>	<b>779.367.066.923</b>	<b>6.971.612.817</b>	<b>4.171.637.964</b>	<b>551.922.632</b>	<b>791.062.240.336</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2012	365.449.971.271	4.368.219.919	1.200.057.999	362.946.653	371.381.195.842
- Khấu hao trong kỳ	53.197.489.020	946.719.564	388.618.740	42.511.870	54.575.339.194
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2012</b>	<b>418.647.460.291</b>	<b>5.314.939.483</b>	<b>1.588.676.739</b>	<b>405.458.523</b>	<b>425.956.535.036</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/01/2012	413.902.095.652	2.505.596.262	2.971.579.965	53.845.065	419.433.116.944
Số dư 31/12/2012	360.719.606.632	1.656.673.334	2.582.961.225	146.464.109	365.105.705.300

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

594.804.124

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2012***(Tiếp theo)***10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2012	-	-	-	877.924.800	877.924.800
- Mua trong kỳ	-	-	-	37.800.000	37.800.000
-ĐT XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2012</b>	-	-	-	<b>915.724.800</b>	<b>915.724.800</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2012	-	-	-	460.047.060	460.047.060
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	106.376.235	106.376.235
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2012</b>	-	-	-	<b>566.423.295</b>	<b>566.423.295</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/01/2012	-	-	-	417.877.740	417.877.740
Số dư 31/12/2012	-	-	-	349.301.505	349.301.505
<b>11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>				<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Dự án đường song hành Hà Huy Giáp, Q12				3.491.800.942	3.276.753.782
Dự án Đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL1A				222.111.688.249	10.640.404.714
Các dự án khác				94.178.900	94.178.900
Sửa chữa lớn TSCĐ				5.781.355.477	940.635.818
<b>Cộng</b>				<b>231.479.023.568</b>	<b>14.951.972.714</b>
<b>13 Đầu tư dài hạn khác</b>				<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Đầu tư cổ phiếu				23.482.780.000	23.482.780.000
+ Cty CP XNK Sản xuất gia công và bao bì				1.476.490	1.476.490
Sở lượng cổ phần PACKSIMEX				23.482.780.000	23.482.780.000
Giá trị đầu tư				23.482.780.000	23.482.780.000
<b>Cộng</b>				<b>23.482.780.000</b>	<b>23.482.780.000</b>
<b>14 Chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Trung tu Tuyến QL1A đoạn An Sương An Lạc (phân bổ 5 năm từ tháng 7/2011)				9.205.883.154	11.836.135.486
<b>Cộng</b>				<b>9.205.883.154</b>	<b>11.836.135.486</b>
<b>15 Vay và nợ ngắn hạn</b>				<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Vay ngắn hạn tại BIDV-SGD2 bổ sung vốn lưu động				2.850.069.840	-
<b>Cộng</b>				<b>2.850.069.840</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý 4 năm 2012***(Tiếp theo)*

<b>16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Thuế GTGT	-	872.739.271
Thuế TNCN	84.990.560	52.238.284
Thuế TNDN	712.647.118	423.869.392
<b>Cộng</b>	<b>797.637.678</b>	<b>1.348.846.947</b>
<b>18 Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Kinh phí công đoàn	68.564.548	62.669.963
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông	13.961.599.000	766.217.000
Chi phí bồi thường GPMB dự án BOTASAL		4.122.306.000
Phải trả phải nộp khác ngắn hạn khác	525.793.201	413.294.429
<b>Cộng phải trả phải nộp ngắn hạn</b>	<b>14.555.956.749</b>	<b>5.364.487.392</b>
<b>19 Phải trả dài hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Chi phí bồi thường GPMB dự án BOTASAL	4.122.306.000	-
Phải trả IDICO-LINCO	1.012.788.162	1.012.788.162
<b>Cộng phải trả phải nộp dài hạn</b>	<b>5.135.094.162</b>	<b>1.012.788.162</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Vay dài hạn ngân hàng đầu tư dự án BOTASAL	119.062.000.000	189.200.000.000
<i>(HĐTD số 351/2004 ngày 28/07/2004 ký kết với BIDV-CN SGD2, LaoVietbank-CN HCM, Agribank-CN Bình Thạnh; Số tiền đã giải ngân 555 tỷ đồng, đã trả nợ gốc 416.938 triệu đồng, lãi suất áp dụng 14,5%/năm)</i>		
Vay dài hạn DA Đầu tư bổ sung một số HM giao thông trên tuyến QL1A	219.117.218.561	-
<i>(HĐTD số 1801-LAV-201101490 ngày 18/10/2011 ký kết với EXIMBANK-CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 630.649.000.000đồng, lãi suất đang áp dụng 14,8%/năm)</i>		
<b>Cộng</b>	<b>338.179.218.561</b>	<b>189.200.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý 4 năm 2012**

*(Tiếp theo)*

**22 Vốn chủ sở hữu**

**a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2011	249.492.000.000	-	9.150.770	29.709.079.947	279.210.230.717
Tăng trong kỳ trước	-	2.540.252.894	8.300.752.094	45.599.653.169	56.440.658.157
Lãi				45.599.653.169	45.599.653.169
Phân phối LN		2.540.252.894	8.300.752.094		10.841.004.988
Giảm trong kỳ trước	-	-	-	30.009.608.302	30.009.608.302
Chia cổ tức	-	-	-	17.464.440.000	17.464.440.000
Trích các quỹ	-	-	-	12.545.168.302	12.545.168.302
<b>Số dư 31/12/2011</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>2.540.252.894</b>	<b>8.309.902.864</b>	<b>45.299.124.814</b>	<b>305.641.280.572</b>
Số dư 01/01/2012	249.492.000.000	2.540.252.894	8.309.902.864	45.299.124.814	305.641.280.572
Tăng trong kỳ	-	2.279.982.658	4.069.898.017	41.959.725.931	48.309.606.606
Lãi	-	-	-	41.959.725.931	41.959.725.931
Phân phối LN		2.279.982.658	4.069.898.017		6.349.880.675
Giảm trong kỳ	-	-	-	45.299.124.813	45.299.124.813
Chia cổ tức	-	-	-	37.423.800.000	37.423.800.000
Trích các quỹ	-	-	-	7.875.324.813	7.875.324.813
<b>Số dư 31/12/2012</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>4.820.235.552</b>	<b>12.379.800.881</b>	<b>41.959.725.932</b>	<b>308.651.762.365</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp của Nhà nước

Vốn góp của cổ đông

Cộng

31/12/2012

01/01/2012

-	-
249.492.000.000	249.492.000.000
<b>249.492.000.000</b>	<b>249.492.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

*Vốn góp đầu kỳ*

*Vốn góp tăng trong kỳ*

*Vốn góp giảm trong kỳ*

*Vốn góp cuối kỳ*

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

31/12/2012

01/01/2012

249.492.000.000	249.492.000.000
-	-
249.492.000.000	249.492.000.000
-	-

**d. Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

31/12/2012

01/01/2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### Quý 4 năm 2012

*(Tiếp theo)*

	31/12/2012	01/01/2012
<b>e. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu.	10.000	10.000
<b>f. Các quỹ của DN</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Quỹ đầu tư phát triển	12.379.800.881	8.309.902.864
Quỹ dự phòng tài chính	4.820.235.552	2.540.252.894
<b>Cộng</b>	<b>17.200.036.433</b>	<b>10.850.155.758</b>

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Quý 4 năm 2012	Quý 4 năm 2011
<b>25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	40.211.563.638	39.448.781.815
Doanh thu xây lắp (*)	46.059.099.956	-
Doanh thu hoạt động khác (dịch vụ vệ sinh đường)	5.487.600	-
<b>Cộng</b>	<b>86.276.151.194</b>	<b>39.448.781.815</b>
<i>(*) Trong kỳ, Công ty ghi nhận doanh thu các công trình xây lắp đã thực hiện, do đó doanh thu xây lắp tăng cao so với cùng kỳ năm trước</i>		
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	40.211.563.638	39.448.781.815
Doanh thu xây lắp	46.059.099.956	-
Doanh thu thuần hoạt động khác	5.487.600	-
<b>Cộng</b>	<b>86.270.663.594</b>	<b>39.448.781.815</b>
<b>26 Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	15.037.113.452	14.818.373.442
Giá vốn xây lắp	45.942.029.023	-
<b>Cộng</b>	<b>60.979.142.475</b>	<b>14.818.373.442</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý 4 năm 2012***(Tiếp theo)*

	Quý 4 năm 2012	Quý 4 năm 2011
<b>27 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	121.266.544	73.971.513
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.476.490.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.597.756.544</b>	<b>73.971.513</b>
<b>28 Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	5.075.314.202	8.966.693.717
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.075.314.202</b>	<b>8.966.693.717</b>
<b>29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí Thuế TNDN trong kỳ	712.647.118	423.869.392
<b>30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	15.639.828.251	10.482.604.282
<i>Trong kỳ, Công ty được tạm ứng 1.476.490.000 đồng cổ tức 2012 của khoản đầu tư tài chính vào PACKSIMEX, kết hợp với chi phí lãi vay hợp đồng tín dụng dự án BOTASAL giảm 3.891.379.515 đồng đã làm cho lợi nhuận sau thuế tăng cao hơn 49% so với cùng kỳ năm trước</i>		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	15.639.828.251	10.482.604.282
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	627	420
<b>31 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.097.839.706	4.530.478.398
Chi phí nhân công	8.888.233.914	4.462.235.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.198.552.511	14.231.693.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.498.893.585	1.878.814.840
Chi phí khác bằng tiền	562.571.055	1.119.936.183
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.246.090.771</b>	<b>26.223.159.111</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý 4 năm 2012***(Tiếp theo)***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan (*)	Số dư đầu kỳ (01/01/2012)	Phát sinh nợ (01/01->30/09)	Phát sinh có (01/01->30/09)	Số dư cuối kỳ (30/09/2012)	SL sở hữu cổ phần IDICO-IDI
<b>IDICO</b>	<b>(Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam)</b>				<b>8.732.220 cổ phần</b>
Phải thu 131	5.910.486.185	4.292.600.889	5.945.770.715	4.257.316.359	
Phải thu 138		180.497.920	-	180.497.920	
Phải trả (cổ tức)	(180.497.920)	-	13.278.827.920	13.098.330.000	
<b>CIENCO6</b>	<b>(Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6)</b>				<b>3.118.650 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả (cổ tức)	-	-	-	-	
<b>IDICO-CONAC</b>	<b>(Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO)</b>				<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	539.864.092	-	539.864.092	-	
Phải trả	(10.703.544)	32.387.790.000	31.338.000.000	(1.060.493.544)	
<b>IDICO-UDICO</b>	<b>(Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO)</b>				<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả (cổ tức)	-	3.742.380.000	3.742.380.000	-	
<b>IDICO-URBIZ</b>	<b>(Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO)</b>				<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả	-	-	-	-	
<b>IDICO-COMATRA</b>	<b>(Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO)</b>				<b>623.730 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả	-	-	-	-	

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** **Quý 4 năm 2012**

*(Tiếp theo)*

### **2 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011, báo cáo tài chính quý 4 năm 2011, quý 1, quý 2 và quý 3 năm 2012

### **3 Thông tin về hoạt động liên tục**

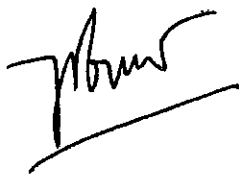
Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn hoạt động bình thường, không có dấu hiệu ngừng trệ kinh doanh

### **4 Những thông tin khác**

Trong báo cáo tài chính, có những chi tiêu không có thông tin hoặc không có liên quan đến đơn vị theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính Công ty không trình bày và vẫn giữ nguyên số

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập



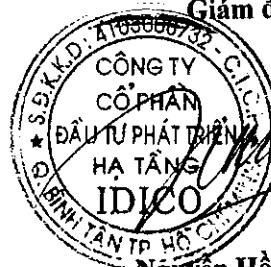
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh